



Tuần 43 (18-22/10/21)

BSC WEEKLY REVIEW

***Giao dịch phân hóa trong quá
trình kiểm tra ngưỡng tâm lý
1,400 điểm***



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Giao dịch phân hóa khi kiểm tra ngưỡng tâm lý 1,400 điểm*
2. PTKT VN-INDEX: *Vận động trong vùng 1370-1400 điểm*
3. TIN VĨ MÔ: *Cuộc họp Quốc hội kỳ 2 khóa XV*
4. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *7/8 khuyến nghị chưa chốt có hiệu suất dương*
5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Công nghệ Thông tin_6.55%*
6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *ETF Kim, Finlead, SSVN30 tăng nhẹ quy mô*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

HIỂN THUẬT TUẦN: *Giao dịch phân hóa trong quá trình kiểm tra ngưỡng tâm lý 1,400 điểm*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1392.70	1.45%
GTGD/phiên (tỷ VND)	19,868.83	9.72%
Khối ngoại (tỷ VND)	-692.05	
HNX-INDEX	384.84	2.80%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2320.54	-8.43%
Khối ngoại (tỷ VND)	-62.67	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4471.37	0.75%	1.82%	0.87%
EU (EURO STOXX)	4182.91	0.82%	2.69%	1.26%
China (SHCOMP)	3572.37	0.40%	0.40%	-2.80%
Japan (NIKKEI)	29068.63	1.81%	3.64%	-4.73%
Korea (KOSPI)	3015.06	0.88%	1.99%	-3.54%
Singapore (STI)	3173.91	0.29%	1.96%	3.34%
Thailand (SET)	1638.34	-0.16%	0.28%	0.63%
Phillipines (PCOMP)	7213.46	0.42%	4.44%	4.35%
Malaysia (KLCI)	1598.28	0.36%	2.20%	3.21%
Indonesia (JCI)	6633.34	0.11%	2.34%	8.15%
Vietnam (VNIndex)	1392.70	0.06%	1.45%	2.96%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2110	1504.50	-0.02%	24047.6	40589.2
VN30F2111	1501.10	-0.25%	137.7	1347.0
VN30F2112	1501.00	-0.26%	66.2	474.8
VN30F2203	1494.60	-0.68%	35.7	165.0

TTCK VIỆT NAM

Vận động luân chuyển tại các cổ phiếu lớn giúp VN-Index áp sát 1,400 điểm, phân hóa mạnh sẽ sớm diễn ra cùng với mùa công bố KQKD quý III.

VN-Index có tuần tăng điểm tích cực với mức tăng 1.45%. Dòng tiền vẫn duy trì tại các cổ phiếu lớn ngành Ngân hàng, VLXD, Hóa chất hỗ trợ chỉ số áp sát ngưỡng tâm lý 1,400 điểm. Số ngành tăng điểm áp đảo với 16/19 ngành cho dù mức độ phân hóa đã lớn hơn tuần trước khi có 245 cổ phiếu tăng và 139 cổ phiếu giảm. Những phiên giao dịch cuối tuần diễn ra trong biên độ hẹp với thanh khoản trung bình cho thấy thị trường vẫn cần thời gian tích lũy trước khi có vận động xu hướng rõ ràng hơn nhờ gói kích thích kinh tế dự kiến được Quốc hội thông qua trong kỳ họp từ 20/10 – 10/11. Mức độ phân hóa của thị trường dự báo lớn hơn trong tuần tới khi các doanh nghiệp công bố KQKD quý III.

Tính đến 15/10, 26 công ty niêm yết trên 2 sàn (tỷ lệ 3.4%) công bố KQKD quý III với LNST sụt 39.6% so với cùng kỳ. Các cổ phiếu đã công bố phần lớn là cổ phiếu vừa và nhỏ. Cổ phiếu có mức sụt giảm LNST mạnh nhất so cùng kỳ gồm PPC (-125 tỷ) và BAX (-114 tỷ). Hoạt động công bố KQKD sẽ tập trung trong 2 tuần tới. Bức tranh LNST sẽ có nhiều thay đổi nhưng nhìn chung KQKD sụt giảm hiện tại cũng phản ánh phần nào mức độ khó khăn của nền kinh tế và doanh nghiệp trong thời gian giãn cách kéo dài.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ có tuần tăng tích cực, tiến sát đỉnh kỷ lục trước số liệu KQKD quý III và thị trường việc làm tích cực

CPI Hoa Kỳ tăng 0.4% mom và tăng 5.4% trong 12 tháng, cao hơn 0.1% so với mức dự báo và cũng là mức cao nhất kể từ tháng 1/1991. Tuy nhiên loại bỏ giá năng lượng và thực phẩm, CPI lõi chỉ tăng 0.2% mom và 4% trong 12 tháng. Lạm phát gia tăng nhanh kéo theo việc NHTW sẽ sớm có hành động thu hẹp các biện pháp kích thích. Biên bản FOMC ngày 13/10 cho thấy FED có thể bắt đầu siết chương trình mua tài sản sớm nhất vào tháng 11/2021. Theo đó, FED có thể giảm 10 tỷ USD/ tháng với trái phiếu chính phủ và 5 tỷ/ tháng với MBS. Biểu đồ “dot-plot” cho thấy một nửa thành viên FED có ý định muốn nâng lãi suất từ năm 2022. Những thông tin này không bất ngờ với NĐT khi các chỉ số CK Hoa Kỳ duy trì tăng tích cực và chỉ cách mức cao kỷ lục khoảng 2%. Mùa công bố KQKD với một số Ngân hàng lớn có lợi nhuận cao hơn kỳ vọng đã hỗ trợ thị trường tăng điểm. Ngoài ra số đơn xin trợ cấp thất nghiệp ở mức 293 nghìn, lần đầu giảm dưới 300 nghìn đơn trong thời kỳ dịch cũng hỗ trợ cho thị trường tích cực.

Quan ngại lạm phát cũng đang diễn ra ở nhiều quốc gia. IMF cũng cảnh báo khả năng siết chính sách tiền tệ sớm hơn dự kiến. IMF đồng tình đánh giá FED rằng lạm phát sẽ dịu lại nhưng cũng cho rằng các dự báo này “có độ không chắc chắn khá cao”. NHTW các nước nên chuẩn bị tâm lý để hành động nhanh chóng nếu rủi ro kỳ vọng lạm phát gia tăng. Tiếp nối hành động của một vài NHTW Nauy, Brazil, Mexico, Hàn Quốc, New Zealand, Singapore ngày 14/10 cũng quyết định nâng biên độ Đôla Singapore từ mức 0%, đồng nghĩa cho phép đồng tiền này tăng giá tiền khác nhằm chống áp lực lạm phát nhập khẩu từ nước ngoài. Với áp lực gia tăng từ nhiều NVL cho sản xuất, lạm phát do vậy sẽ là vấn đề quan tâm không chỉ của các NHTW mà còn rủi ro cho các thị trường tài chính trên toàn cầu những tháng cuối năm 2021 và năm 2022.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng



PTKT VN-INDEX: Vận động trong vùng 1370-1400 điểm

Đồ thị tuần: Sau tuần vận động thoát khỏi mô hình symmetrical triangles, VN-Index tiếp tục vận động tăng giá tiến sát ngưỡng tâm lý 1,400 điểm với thanh khoản tăng nhẹ. Các tín hiệu kỹ thuật vẫn đang ủng hộ xu hướng tăng điểm trong trung và dài hạn tuy nhiên trong ngắn hạn VN-Index liên tiếp hình 4 cây nến doji trước ngưỡng tâm lý 1,400 điểm với thanh khoản tăng nhẹ và chỉ số RSI tiến sát vùng mua qua đang cho thấy thị trường chưa có sự động thuận rõ ràng cho xu hướng tăng điểm ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo động lượng tăng lên mức 68.
- MACD cắt lên đường tín hiệu, báo hiệu xu hướng tích cực
- ADX nằm ở mức 16.
- VN-Index tiếp nối mô hình tiếp diễn symmetrical triangles.

Nhận định: Các hiệu đồ thị tuần vẫn đang khá tích cực, tuy nhiên đồ thị ngày đang cho thấy VN-Index đang gặp khó khăn trong quá trình vượt ngưỡng tâm lý 1,400 điểm. Vùng 1,370 – 1,380 điểm vẫn đóng vai trò là vùng hỗ trợ trong khi ngưỡng tâm lý 1,400 điểm là kháng cự của chỉ số. Tuần tới, VN-Index sẽ còn tích lũy trong vùng hẹp và có tính phân hóa cao với KQKD quý III công bố. Ở nhịp rung lắc, nếu chỉ số không giảm dưới 1,370 điểm, VN-Index vẫn có kỳ vọng vượt qua 1,400 điểm và hướng tới vùng giá cao hơn theo mô hình symmetrical triangles tại 1,520 điểm. Vận động giá này nếu xảy ra sẽ phụ thuộc vào thông tin hỗ trợ, đặc biệt là gói kích cầu sẽ được Quốc hội thông qua trong kỳ họp sắp tới.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *Cuộc họp Quốc hội kỳ 2 khóa XV*

VIỆT NAM:

- Trong báo cáo ngày 14/10/2021, IMF đã hạ dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2021 xuống còn 3,78%, giảm 2,72% so với dự báo hồi tháng 4.
- Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, sau hơn 1 năm EVFTA được thực thi, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU đạt 54,6 tỷ USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ. Cụ thể, trị giá xuất khẩu từ Việt Nam sang EU đạt 38,5 tỷ USD, tăng 11,3% so với cùng kỳ và trị giá nhập khẩu của nước ta từ EU là 16,2 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ. Cán cân thương mại thặng dư 22,3 tỷ USD.
- Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 126/NQ-CP việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 68/NQ-CP, theo đó mở rộng đối tượng, nới lỏng điều kiện hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do COVID-19.
- Ngân hàng Thế giới (WB) đã công bố báo cáo cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam tháng 10/2021. Theo đó, tổ chức này ước tính tăng trưởng năm nay của Việt Nam đạt 2-2.5%, thấp hơn đáng kể so với dự báo 4.8% công bố hồi tháng 9. Mức dự báo mới dựa trên cơ sở GDP quý 3 giảm sâu 6.2% so với cùng kỳ năm trước và dự báo trong thời gian tới việc vận hành trở lại của nền kinh tế cũng sẽ đối diện với một số thách thức.
- Ngân hàng Nhà nước vừa công bố Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong đó, NHNN bổ sung quy định không được cho khách hàng vay để mua nợ, ngừa khả năng che giấu nợ xấu.

THẾ GIỚI:

- Bộ Lao động Mỹ cho biết, trong tuần trước, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu giảm xuống dưới 300.000 lần đầu tiên kể từ những ngày đầu của đại dịch Covid-19.
- Tổng thống Joe Biden đang thúc đẩy giảm bớt tình trạng thiếu hụt nguồn cung và chế ngự giá cả tăng cao trong thời gian Giáng sinh, nhưng thực trạng các chuỗi cung ứng tại Mỹ chưa thể đáp ứng được chính sách này.
- Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 9/2021 của Trung Quốc tăng 10.7% so với cùng kỳ, mức cao nhất kể từ tháng 11/1995. Đà tăng của PPI chủ yếu đến từ sự nhảy vọt của giá than và các sản phẩm sử dụng nhiều năng lượng. Chỉ số PPI tăng mạnh củng cố thêm rủi ro lạm phát trên toàn cầu và có thể buộc các doanh nghiệp phải chuyển phần tăng chi phí cho người tiêu dùng.
- Bộ Lao động Mỹ cho biết chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 9 tăng 0.4% so với tháng trước và tăng 5.4% so với cùng kỳ, cao hơn con số dự đoán của các chuyên gia là 0.3% và 5.3%. CPI cơ bản tăng 0.2% so với tháng trước và 4% so với cùng kỳ, gần khớp với kỳ vọng lần lượt là 0.3% và 4%.
- Biên bản từ cuộc họp của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang (FOMC) cho thấy ngân hàng trung ương Mỹ (Fed) có thể bắt đầu thu hẹp chương trình mua tài sản ngay từ giữa tháng 11/2021.
- Trung Quốc cho biết đã có những buổi thảo luận với Mỹ về các tranh chấp giữa hai bên trước thềm hội nghị thượng đỉnh giữa Tổng thống Joe Biden chủ tịch nước Tập Cận Bình được dự kiến diễn ra vào cuối năm nay.
- Trung Quốc thặng dư thương mại kỷ lục với Mỹ. Cụ thể, thặng dư thương mại với Mỹ tăng 42 tỷ USD, cao kỷ lục, với xuất khẩu tăng 30% trong khi nhập khẩu chỉ tăng chưa đến 17%. Mỹ vẫn là đối tác thương mại lớn nhất, tính theo quốc gia, của Trung Quốc.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Quốc hội kỳ 2 khóa XV dự kiến khai mạc ngày 20/10 và bế mạc vào 10/11. Cuộc họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị cho kỳ họp Quốc hội cho thấy nội dung quan trọng thông qua gồm: (1) Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021 và 2022; báo cáo Chính phủ về phòng chống dịch Covid; 2. Thảo luận và cho ký kiến kế hoạch tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025 và quy hoạch đất quốc gia 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025.
- VN-Index kiểm tra vùng tâm lý 1,400 điểm trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh dần bình thường hóa và mùa công bố KQKD quý III.
- Ngày 18/10, GDP quý III, doanh thu bán lẻ, chỉ số sản xuất công nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp Trung Quốc; chỉ số sản xuất công nghiệp Hoa Kỳ; Khảo sát triển vọng kinh doanh NHTW Canada. 19/10, Biên bản chính sách tiền tệ NHTW Australia và bài phát biểu Thống đốc NHTW Anh. 20/3, CPI của Anh, Canada và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 21/10, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Hoa Kỳ. 22/10, Chỉ số PMI sản xuất và dịch vụ EU, Anh, Hoa Kỳ.



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/3/21	PVB	16.1	19.5	15	16.9	14	4.97%	Có thể tiếp tục mua
10/3/21	OIL	14.4	16.5	13.25	15	14	4.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
26/9/21	PPC	23.55	26.3	22.3	23.1	21	-1.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
29/8/21	VGT	19.7	25.4	17.6	21.4	49	8.63%	Có thể tiếp tục mua
15/8/21	TIP	40.7	50.5	36	42.65	63	4.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/8/21	GTN	17.7	22.5	16.5	18.75	70	5.93%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/1/21	CTD	62.07	73.89	59.11	69.2	77	11.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/7/21	SJS	61.5	73	55.5	62.7	91	1.95%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/3/21	PVB	16.1	19.5	15	16.9	14	4.97%	Có thể tiếp tục mua
10/3/21	OIL	14.4	16.5	13.25	15	14	4.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
26/9/21	PPC	23.55	26.3	22.3	23.1	21	-1.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
29/8/21	VGT	19.7	25.4	17.6	21.4	49	8.63%	Có thể tiếp tục mua
15/8/21	TIP	40.7	50.5	36	42.65	63	4.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/8/21	GTN	17.7	22.5	16.5	18.75	70	5.93%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/1/21	CTD	62.07	73.89	59.11	69.2	77	11.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/7/21	SJS	61.5	73	55.5	62.7	91	1.95%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

Chú thích: (*) Trang thái kỹ thuật không tốt (**) Tiệm cận giá mục tiêu

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
26/9/21	HPX	32.5	36	30.2	SL	5	-7.08%
19/9/21	VCS	121	131.5	117.3	TP	15	8.68%
19/9/21	NDN	21.4	24	20.9	SL	5	-2.34%
9/12/21	VSC	68.2	79.5	61.3	SL	16	-10.12%
9/12/21	EVG	11	13.5	10	TP	22	22.73%
9/5/21	VOS	15.8	20	14	TP	5	26.58%
9/5/21	DVP	59.2	68.5	55.8	SL	8	-5.74%
29/8/21	NT2	19.48	22.39	17.91	TP	39	14.94%
15/8/21	DQC	21.15	24.5	19	TP	29	15.84%
8/8/21	MSR	20.4	24	18.5	TP	39	17.65%
8/1/21	DRI	10.2	12	9	TP	16	17.65%
25/7/21	DPM	22.05	24.5	20.5	TP	5	11.11%
25/7/21	GMD	42.5	47	38.5	TP	5	10.59%
18/7/21	QNS	41.8	46	40.5	TP	25	10.05%
7/11/21	GIL	59.7	66	51	TP	15	10.55%
Chú thích:		Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ					

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
26/9/21	HPX	32.5	36	30.2	SL	5	-7.08%
19/9/21	VCS	121	131.5	117.3	TP	15	8.68%
19/9/21	NDN	21.4	24	20.9	SL	5	-2.34%
9/12/21	VSC	68.2	79.5	61.3	SL	16	-10.12%
9/12/21	EVG	11	13.5	10	TP	22	22.73%
9/5/21	VOS	15.8	20	14	TP	5	26.58%
9/5/21	DVP	59.2	68.5	55.8	SL	8	-5.74%
29/8/21	NT2	19.48	22.39	17.91	TP	39	14.94%
15/8/21	DQC	21.15	24.5	19	TP	29	15.84%
8/8/21	MSR	20.4	24	18.5	TP	39	17.65%
8/1/21	DRI	10.2	12	9	TP	16	17.65%
25/7/21	DPM	22.05	24.5	20.5	TP	5	11.11%
25/7/21	GMD	42.5	47	38.5	TP	5	10.59%
18/7/21	QNS	41.8	46	40.5	TP	25	10.05%
7/11/21	GIL	59.7	66	51	TP	15	10.55%
Chú thích:	Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ						

Chú thích: **Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất**
TP - Đã chốt lời **SL - Đã cắt lỗ**

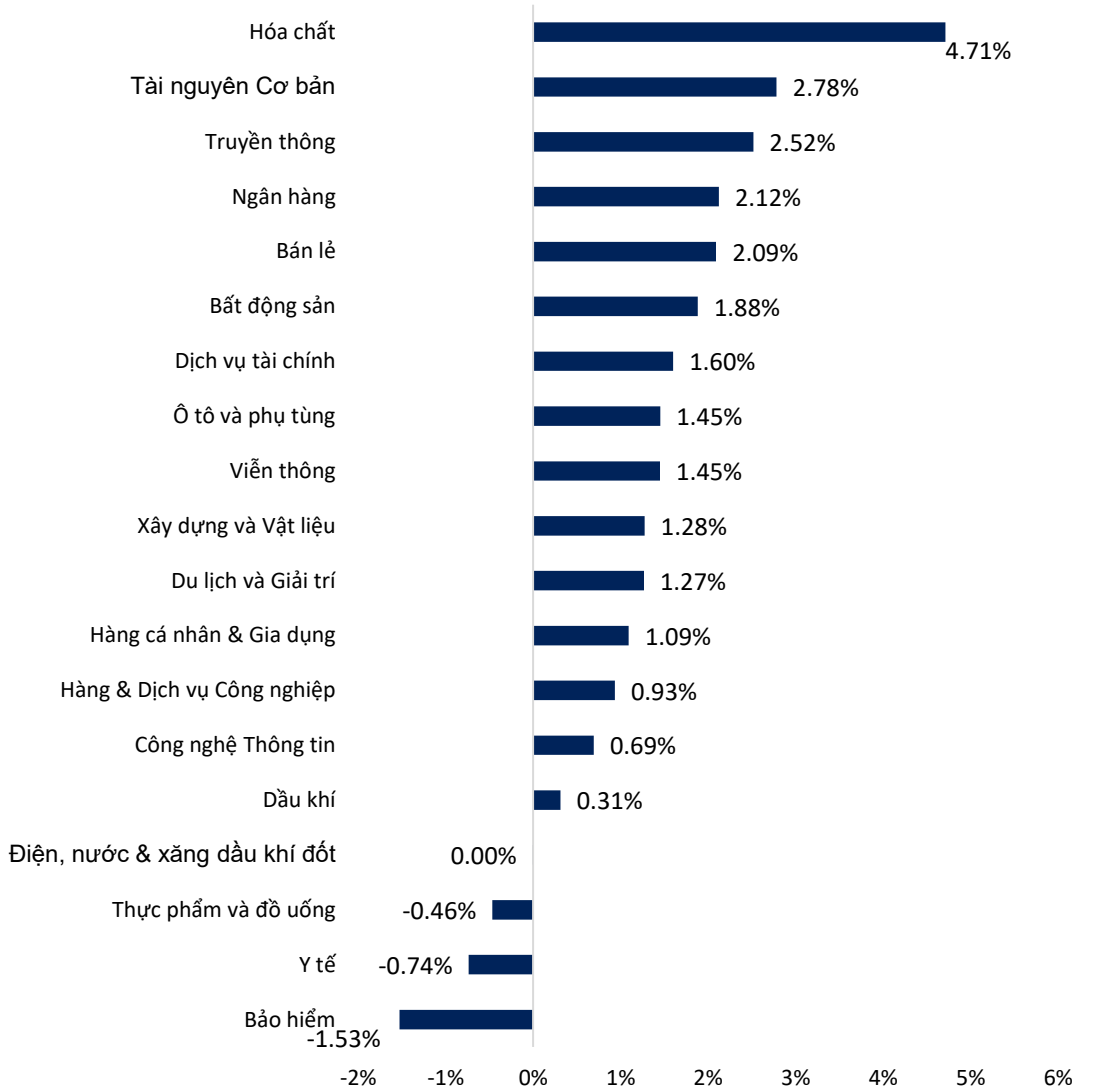
Thống kê	Số khuyến nghị lái	Số khuyến nghị lỗi	Hiệu suất KN lái	Hiệu suất KN lỗi	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	7	1	5.84%	-0.21%	5.08%	42
Đã chốt	129	93	15.29%	-8.36%	5.38%	29



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Hóa chất	-0.06%	4.71%	6.31%	DRC	2.70%	DGC	5.31%
Tài nguyên Cơ bản	1.15%	2.78%	10.31%	HPG	2.87%	HSG	4.41%
Truyền thông	1.37%	2.52%	2.70%	YEG	0.00%	FOC	0.76%
Ngân hàng	0.16%	2.12%	2.63%	VCB	-0.52%	VPB	4.46%
Bán lẻ	-0.14%	2.09%	5.12%	MWG	2.80%	PNJ	1.01%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	82.28	1.19%	3.69%	13.76%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	84.86	1.02%	3.00%	13.48%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	248.64	2.11%	5.08%	15.98%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,767.62	-1.57%	0.60%	-1.47%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.31	-0.89%	2.79%	-2.23%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,217.75	0.95%	-2.03%	-5.93%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	USd/bu.	734.00	1.28%	0.00%	3.05%		
Sữa	USD/cwt	19.28	-0.41%	2.72%	13.01%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	226.50	1.12%	2.49%		DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	19.80	1.07%	-2.41%	-2.27%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Cà phê	USd/lb.	203.40	-2.80%	1.02%	8.57%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	10,281.00	2.97%	9.83%	6.79%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	5,488.00	0.49%	0.49%	1.12%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	3,171.50	1.75%	6.93%	9.63%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	727.50	-0.41%	-0.41%	-3.64%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	222.55	-4.99%	7.51%	29.88%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	885.84	1.09%	1.09%	-1.14%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VIC	+3.70%	3.322
HPG	+2.87%	1.89
TCB	+3.75%	1.76
CTG	+4.07%	1.53
GVR	+3.10%	1.22
VPB	+4.46%	1.04
VIB	+6.07%	0.86
VRE	+4.63%	0.83
MBB	+2.53%	0.70
HDB	+5.34%	0.69
Tổng		13.846

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
MSN	-3.09%	-1.406
SHB	-9.08%	-1.402
VHM	-1.50%	-1.383
NVL	-2.39%	-0.975
VCB	-0.52%	-0.491
BVH	-2.29%	-0.275
GAS	-0.36%	-0.202
HPX	-5.54%	-0.145
NBB	-11.38%	-0.126
PLX	-0.56%	-0.103
Tổng		-6.508

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
FMC	487.11	24.97
VRE	278.74	29.96
DPM	157.46	9.44
HSG	118.28	11.65
MBB	104.99	23.19
HAH	101.28	7.60
STB	94.11	15.76
PVI	82.42	55.57
DIG	53.31	1.59
LPB	52.71	3.67
Tổng	1,530.42	

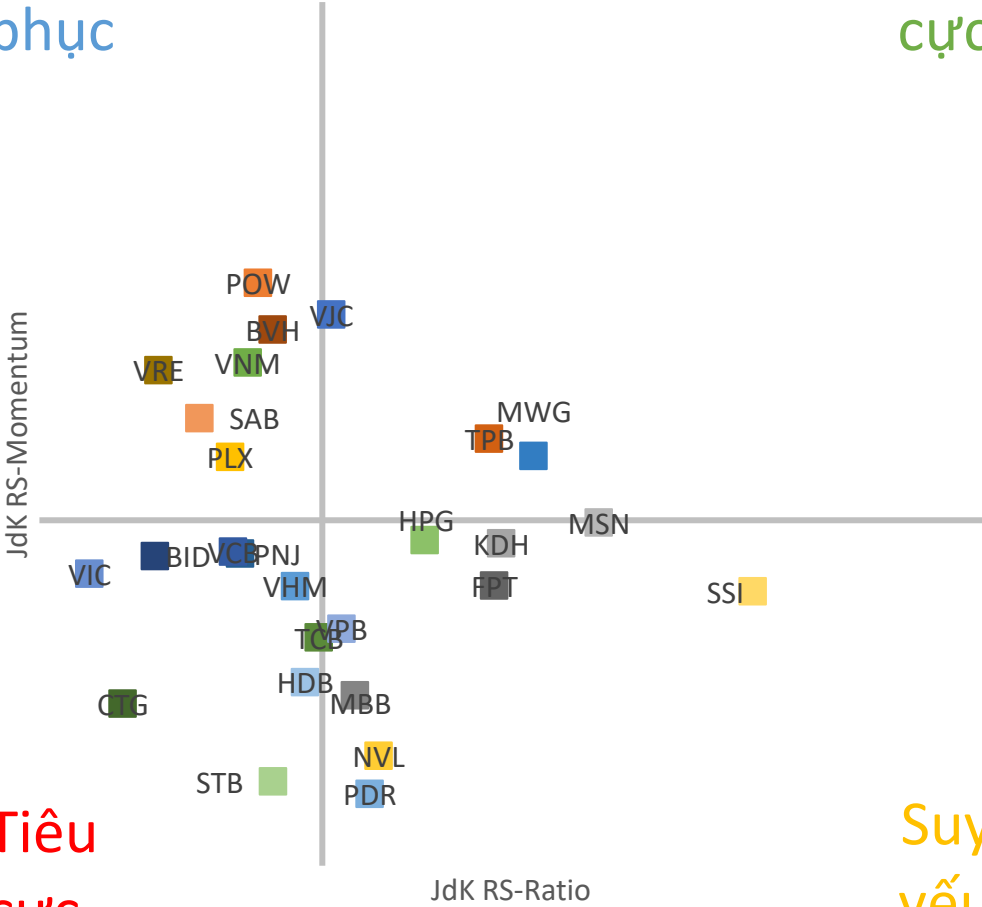
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MML	-2548.64	
HPG	-392.61	25.40
PAN	-349.07	32.47
SSI	-281.93	44.51
KBC	-223.90	17.16
MSN	-165.06	32.28
SBT	-160.80	8.45
VND	-134.56	20.00
VNM	-124.75	54.74
GMD	-101.20	40.73
Tổng	-4482.52	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
VJC	100.49	105.95	10.17%
MWG	111.21	101.86	17.31%
TPB	108.86	102.36	24.52%
GAS	103.76	103.36	25.73%
GVR	114.02	102.63	19.52%
POW	96.61	106.87	21.12%
PLX	95.12	101.83	5.89%
VNM	96.05	104.56	5.01%
BVH	97.38	105.51	20.47%
VRE	91.33	104.34	3.19%
SAB	93.50	102.95	4.09%
KDH	109.50	99.33	18.34%
FPT	109.13	98.11	17.31%
PDR	102.53	92.07	-3.44%
MSN	114.68	99.93	18.39%
NVL	103.00	93.18	0.48%
HPG	105.44	99.42	23.78%
MBB	101.74	94.93	-3.99%
SSI	122.83	97.94	21.25%
VPB	101.02	96.85	5.07%
VHM	98.57	98.09	-3.79%
PNJ	95.66	99.03	6.87%
BID	91.14	98.95	-4.39%
CTG	89.43	94.69	-12.09%
VIC	87.66	98.44	-5.40%
ACB	0.00	0.00	-5.71%
VCB	95.28	99.09	-3.29%
TCB	99.83	96.61	-0.59%
HDB	99.10	95.31	-6.06%
STB	97.39	92.43	-6.20%

Hồi
phục

Tiêu
cực

CP VN30 vs. VN-Index



Tích
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc
- Tích cực → nên trong danh sách mua
 - Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
 - Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
 - Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	1,386.95	7,872.79	28,427.33
Giá trị bán	1,302.01	8,564.83	31,977.59
Mua / bán ròng	84.94	-692.05	-3,550.27
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	679.20	2,521.66	6,987.72
Giá trị bán	325.41	1,340.42	4,960.72
Mua / bán ròng	353.79	1,181.24	2,027.00
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
HPG	198.50	GEX	-48.79
MWG	133.04	E1VFN30	-47.83
VPB	126.55	HSG	-39.97
TCB	102.19	DPM	-35.47
STB	80.01	SSI	-25.70
GAS	78.61	HDG	-22.77
VIC	71.98	FUESSVFL	-21.64
VHM	67.72	TEG	-15.18
FPT	61.96	PLX	-14.97
ACB	55.15	PNJ	-8.51

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	555.30	19.66	0.00	-0.29%	0.00	-0.98	10.73
FTSE	393.68	45.26	0.00	-0.67%		-44.45	-49.55
iShare	514.74	0.00	0.00	0.00%	0.00	0.00	10.07
E1VFN30	454.79	1.11	-0.01	-0.17%	-4.0	-20.1	4.9
FUEVFN30	557.51	1.19	0.51	0.22%	-3.6	-33.7	-72.1
FUBON FTSE	478.96	0.60	-6.00	-0.71%	-11.4	-14.7	43.5
FUESSVFL	118.02	0.89	1.00	1.39%	0.7	3.2	2.8
FUESSVN30	4.83	0.82	0.10	4.62%	0.1	0.2	1.2
FUEMAVN30	32.66	0.78	0.00	0.40%	0.1	5.0	5.3
VN100	5.72	0.83	0.00	0.54%	0.00	0.49	1.34
KIM	194.89	19.49	0.00	-0.38%	3.81	3.74	11.18
PREMIA	30.63	13.43	0.00	-0.89%	0.00	0.52	0.51

Nhận định: ETF Kim, Finlead, SSVN30 tăng nhẹ quy mô trong khi E1, Diamond, Fubon giảm quy mô. Quỹ Fubon vẫn duy trì đà bán ròng 11.4 triệu USD trong tuần qua. Khối ngoại mua bán trái chiều tại các thị trường khu vực.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

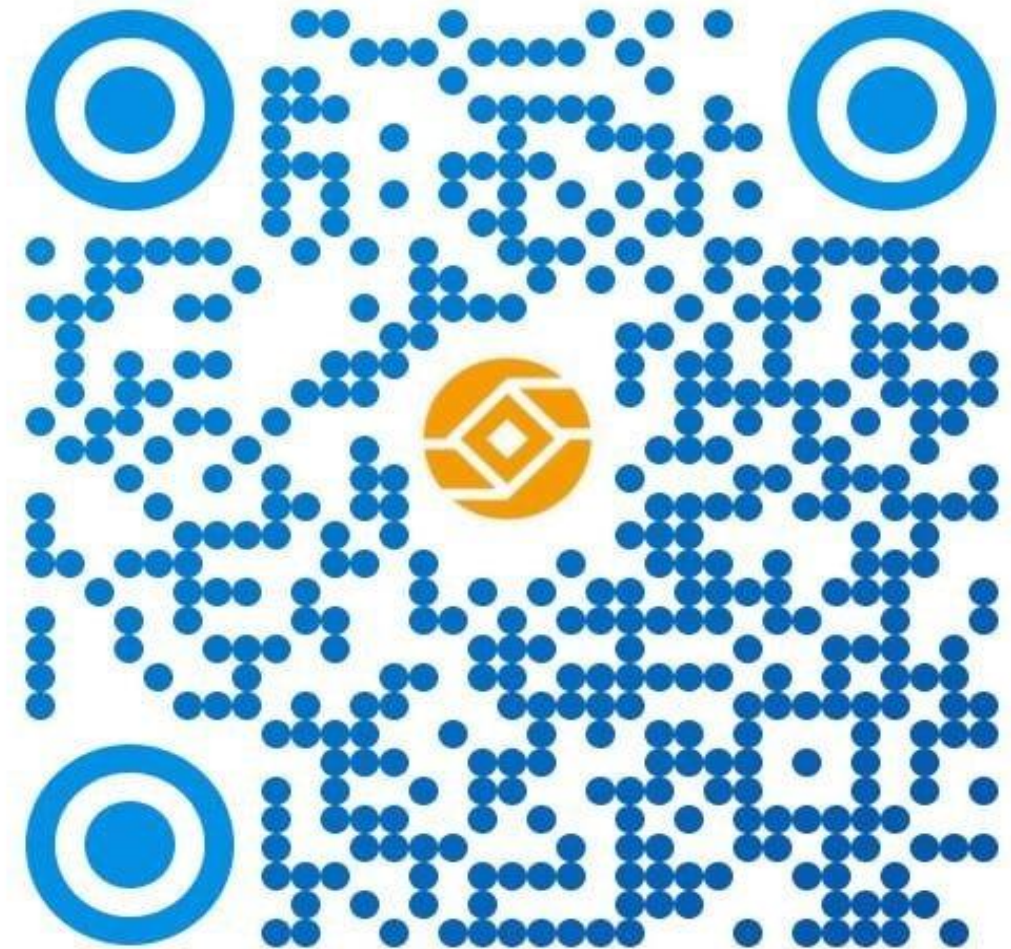
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

